

Số: 75/2024/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

(V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 409/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số 448/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa:

* **Người yêu cầu:**

1. Chị **Mai Thị Thúy H**, sinh năm 1997; địa chỉ: **Thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương**. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh **Quán Văn C**, sinh năm 1993; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: **Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương**. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người được anh **C** ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1973; địa chỉ: **Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị **Mai Thị Thúy H**, anh **Quán Văn C** và các tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Mai Thị Thúy H** và anh **Quán Văn C** được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương** vào ngày 18/01/2016. Sau khi kết hôn, chị **H** và anh **C** chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách của hai vợ chồng không hợp nhau. Đầu năm 2021, chị **H** đi lao động tại Nhật Bản. Sau đó một năm anh **C** cũng sang Nhật Bản làm

việc nhưng vợ chồng không ở cùng nhau. Do mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Năm 2024, chị **H** về Việt Nam và chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị **H** và anh **C** đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Chị **H** và anh **C** có 02 con chung là **Quán Bảo N**, sinh ngày 27/7/2016 và **Quán Bảo C1**, sinh ngày 15/01/2017. Hiện hai con đang ở cùng chị **H**. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cả 02 con chung cho chị **H** nuôi dưỡng. Chị **H** tự nguyện không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H** và anh **C** đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Chị **H** và anh **C** thống nhất chị **H** chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên họp, chị **H**, anh **C** đều có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết việc hôn nhân gia đình: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị **Mai Thị Thúy H** và anh **Quán Văn C**. Về con chung: Giao cho chị **H** được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là **Quán Bảo N**, sinh ngày 27/7/2016 và **Quán Bảo C1**, sinh ngày 15/01/2017. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **H** không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng tiền nuôi con. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị **H** tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh **Quán Văn C** hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại **huyện K, tỉnh Hải Dương**. Do vậy, căn cứ quy định tại khoản 2

Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các văn bản anh **C** đã gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương gồm Đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và giấy ủy quyền chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Tòa án đã trưng cầu giám định dấu vân tay của anh **C** trên các tài liệu này. Tại Kết luận giám định số 2380/KL-KTHS ngày 07/8/2024 của **Phòng K Công an thành phố H** đã kết luận: “*Các dấu vân tay ký hiệu A5, A15, A25, A37 in trên các tài liệu gửi giám định với dấu vân tay in tại ô Ngón trở phải trên 01 bản sao chứng thực Căn cước công dân số 030093016489 mang tên **Quán Văn C** (mẫu so sánh) là của cùng một người. Các dấu vân tay ký hiệu A9, A19, A28, A34 in trên các tài liệu gửi giám định với dấu vân tay in tại ô Ngón trở trái trên 01 bản sao chứng thực Căn cước công dân số 030093016489 mang tên **Quán Văn C** (mẫu so sánh) là của cùng một người*”. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản anh **C** gửi về đúng là ý chí, quan điểm của anh **C**.

[1.3] Tại phiên họp, chị **H**, anh **C** vắng mặt, đều có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Mai Thị Thúy H** và anh **Quán Văn C** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương** vào ngày 18/01/2016 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị **H** và **C** đều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và tính cách không hợp nhau. Từ năm 2021 đến nay, chị **H** và anh **C** sống ly thân, không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị **H** và anh **C** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, các đương sự cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị **H** và anh **C** là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị **H** và anh **C** có 02 con chung là **Quán Bảo N**, sinh ngày 27/7/2016 và **Quán Bảo C1**, sinh ngày 15/01/2017. Hiện nay cả 02 con chung đang ở cùng chị **H**. Khi ly hôn, chị **H** và anh **C** thống nhất thỏa thuận giao cả 02 con chung cho chị **H** nuôi dưỡng. Xét thấy thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Chị **H** tự nguyện không

yêu cầu anh **C** cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Tòa án chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H** và anh **C** không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị **H** tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Mai Thị Thúy H** và anh **Quán Văn C**.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị **H** và anh **C**. Giao cho chị **H** được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là **Quán Bảo N**, sinh ngày 27/7/2016 và **Quán Bảo C1**, sinh ngày 15/01/2017 kể từ tháng 8/2024 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị **H** tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp thay, theo Biên lai thu số 0000900 ngày 30/7/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị **H** đã nộp đủ lệ phí việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Mai Hoa